

Mã SV	Họ	Tên	P	Ngà	Bản	Bản	Bản	Giả	Lý	Ghi
		n	h	y	Si	sao	sao	sao	y	c
		ái	nh		Bản	GK	am	HS		
		học	g	T	Sin	kết	SV			
		bạ	NP	h	PV					
			TT		N					
			H							
K34.	Hồ Xuân	Lo	0	171						
105.		ng	287							
014										
K34.	Tạ Thành	Na	0	151		X				
105.		m	090							
021										
K34.	Trần Thị	Th	1	411		X				
105.		ươ	90							
041		ng								
K35.	Lê	Bã	0	230		X				
105.	Huỳnh	o	491							
001	Hoài									
K35.	Trần Thị	Bì	1	210		X			CK	
105.		nh	91						MT	
002										
K35.	Nguyễn	Di	0	300						
105.	Tiến	nh	488							
003										
K35.	Nguyễn	Du	0	200						
105.	Quốc	ân	190							
004										
K35.	Phạm	Dũ	0	121		X				
105.	Việt	ng	191							
006										
K35.	Nguyễn	Dũ	0	240		X		X	CK	
105.		ng	391						MT	
007										
K35.	Hồng	Đạ	0	160		X	X		CK	
105.	Hiếu	t	191						MT	
008										
K35.	Trần Thị	Hi	1	305		X			CK	
105.	Thu	ền	91						MT	
010										
K35.	Đoàn	Ho	0	250		X				
105.	Ngọc	àn	291							
011	Quốc	g								
K35.	Nguyễn	Hồ	1	501		X				
105.	Thu	ng	91							
012										
K35.	Phạm Thị	Hu	1	101						
105.	Như	yề	90							
013		n								
K35.	Võ Thị	Hu	1	220		X				

105. Lê yề 691		
014 n		
K35. Phạm Hư 0 281	X	
105. Thành ng 091		
015		
K35. Nguyễn Hư 0 130	X	
105. Trường ng 991		
016 Nguyễn		
K35. Nguyễn Hư 1 110		CK
105. Thị ơn 382		MT
017 Thanh g		
K35. Huỳnh Hư 1 221		
105. Lan ơn 090		
018 g		
K35. Thiều Thị Hư 1 250	X	
105. ờn 291		
019 g		
K35. Trần Thị La 1 161	X	
105. n 090		
020		
K35. Nguyễn Ly 1 290	X	
105. Thị Thu 491		
022		
K35. Mai Thị Mi 1 260	X	
105. ền 691		
023		
K35. Lê Thúy Ng 1 161	X	CK
105. ân 291		MT
024		,G BN H
K35. Lê Thị Ng 1 220		
105. Thúy ân 490		
025		
K35. Đồng Thị Ng 1 280	X	
105. Minh uy 591		
026 ệt		
K35. Trịnh Thị Ng 1 201	X	CK
105. Minh uy 191		MT
027 ệt		,G BN H
K35. Nguyễn Ng 0 121	X	
105. Ngọc ời 091		
028		
K35. Nguyễn Nh 1 260	X	
105. Thị Tuyết 191		
029		
K35. Huỳnh Ny 1 231	X	
105. Thị Diễm 291		

030				
K35. Võ Thị	Ph	1 407	X	
105. Diễm	úc	91		
032				
K35. Lâm Phú	Qu	1 111	X	
105.	yê	190		
033	n			
K35. Vũ Trọng	Qu	0 260		
105.	ỳn	682		
034	h			
K35. Lê Thị	Qu	1 305	X	
105. Như	ỳn	91		
035	h			
K35. Trần	Tâ	0 211		
105. Thanh	m	089		
037				
K35. Nguyễn	Tâ	1 702		
105. Thị	n	90		
038				
K35. Nguyễn	Tạ	0 200	X	
105. Phúc	o	791		
039				
K35. Cao	Th	1 180	X	
105. Nguyễn	an	591		
040 Thế	h			
K35. Lê Ngọc	Th	1 905	X	
105. Phương	ảo	91		
041				
K35. Chu Tất	Tr	0 130		
105.	an	886		
044	g			
K35. Trần	Tri	0 240X	X	
105. Minh	ền	691		
045				
K35. Lê Thị	Tri	1 201		
105. Tuyết	nh	90		
046				
K35. Trần Thị	Tri	1 181	X	
105. Thùy	nh	291		
047				
K35. Lê Thuỵ	Tú	1 160	X	
105. Cẩm		491		
048				
K35. Võ Thúy	Vâ	1 280	X	
105.	n	491		
049				
K35. Bùi Thị	Vu	1 180		
105.	i	890		
051				
K35. Nguyễn	Vy	1 270	X	

CK
MT

105. Tường 691

052

K35. Lê Thị Yế 1 150 X

105. Hoàng n 491

053